TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **82** /2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Dương, ngày 21 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 534/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị D., sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn V., sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị D. và anh Dương Văn V..

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Dương Hồng D, sinh ngày 20/12/2019 cho anh Dương Văn V. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đỗ Thị D. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 04/2024 đến khi cháu Diệu đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ theo tháng. Chị Đỗ Thị D. có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày anh Dương Văn V. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị Triệu Thị Hằng chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Đỗ Thị D. và anh Dương Văn V. không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị D. phải nộp số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng, tổng cộng 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001268 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Đỗ Thị D. đã nộp đủ khoản tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến